TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN TAM BÌNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 165/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-10-2023
"*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con*" **NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17/07/2023 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/09/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25/09/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trương Thị Hoàng D**, sinh năm 1980 (xin vắng)

Địa chỉ: số D, Khu Phố L, Phường L, Thành Phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Lê Hoàng T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/08/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Hoàng D trình bày:

Vào năm 2015 qua quen biết nên chị và anh Lê Hoàng T có tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 24/09/2015 tại UBND Phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc kéo dài đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, vợ chồng không có tiếng nói chung,

không còn tôn trọng lẫn nhau, anh T không chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Dù đã cố gắng vun đắp tình cảm nhưng không được, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không hàn gắn được chuyện gia đình nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng T.

Về con chung: Khi ly hôn chị D yêu cầu nuôi con chung là Lê Hoàng L, sinh ngày 16/12/2015, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Hoàng T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Ngày 07/09/2023, nguyên đơn chị Trương Thị Hoàng D có đơn xin vắng mặt, chị có ý kiến trình bày: Chị D yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Hoàng T. Về con chung: Khi ly hôn chị D yêu cầu nuôi con chung là Lê Hoàng L, sinh ngày 16/12/2015, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Trương Thị Hoàng D khởi kiện yêu cầu ly hôn nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, nuôi con*"; bị đơn anh Lê Hoàng T cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Lê Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn chị Trương Thị Hoàng D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Hoàng D và anh Lê Hoàng T qua quen biết rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 24/09/2015, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Trương Thị Hoàng D trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc kéo dài đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tôn trọng lẫn nhau, anh T không chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Dù đã cố gắng vun đắp tình cảm nhưng không được, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không hàn gắn được chuyện gia đình nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị D, anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, từ đó cho đến nay vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Qua đó cho thấy hôn nhân của chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung*: Chị Trương Thị Hoàng D khai có con chung với anh Lê Hoàng T là Lê Hoàng L, sinh ngày 16/12/2015 và yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không*

thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Hiện tại chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu L cũng có bản khai là có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với chị D. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D là giao cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 16/12/2015 cho chị Trương Thị Hoàng D tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Lê Hoàng T được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trương Thị Hoàng D khai chưa yêu cầu, anh Lê Hoàng T cũng chưa có văn bản nào trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Trương Thị Hoàng D khai chưa yêu cầu, anh Lê Hoàng T cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Hoàng D được ly hôn với anh Lê Hoàng T.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Lê Hoàng L, sinh ngày 16/12/2015 cho chị Trương Thị Hoàng D tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Lê Hoàng T được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Trương Thị Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0011646 ngày 17/07/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Trương Thị Hoàng D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *CCTHADS huyện Tam Bình*;
- *UBND Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo